



TON DONG A

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I/2024

THÁNG 04 NĂM 2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2024	Số đầu kỳ 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.321.933.391.805	8.670.273.697.031
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	905.352.685.738	1.193.754.292.296
Tiền	111		905.352.685.738	1.193.754.292.296
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	2.810.328.784.621	2.156.059.870.662
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.810.328.784.621	2.156.059.870.662
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.427.426.366.595	1.984.154.269.933
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.374.020.415.228	1.935.362.770.403
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	45.227.153.493	28.704.843.056
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	32.458.918.245	45.485.169.483
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.3	(24.280.120.371)	(25.398.513.009)
IV. Hàng tồn kho	140		4.751.789.300.287	3.126.953.454.480
Hàng tồn kho	141	V.6	4.946.540.904.653	3.210.908.157.973
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.6	(194.751.604.366)	(83.954.703.493)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		427.036.254.564	209.351.809.660
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	22.153.233.987	24.858.145.106
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.15	404.805.422.847	184.159.677.855
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	77.597.730	333.986.699

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN
(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2024	Số đầu kỳ 01/01/2024
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.823.746.917.837	2.871.809.380.728
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.309.194.839	10.068.759.000
Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	6.435.000	6.435.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	11.302.759.839	10.062.324.000
II. Tài sản cố định	220		2.173.574.487.151	2.246.802.305.430
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.960.915.919.356	2.040.269.418.990
- Nguyên giá	222		4.563.914.747.209	4.561.487.526.222
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(2.602.998.827.853)	(2.521.218.107.232)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	88.614.512.439	84.924.011.674
- Nguyên giá	225		111.828.553.275	103.857.802.366
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(23.214.040.836)	(18.933.790.692)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	124.044.055.356	121.608.874.766
- Nguyên giá	228		141.089.674.227	138.275.724.227
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(17.045.618.871)	(16.666.849.461)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	25.529.127.497	24.010.886.974
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		22.239.233.997	19.985.897.068
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.289.893.500	4.024.989.906
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	270.640.000.000	270.640.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		270.640.000.000	270.640.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		342.694.108.350	320.287.429.324
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	290.649.500.653	289.794.745.038
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		43.606.518.295	21.836.368.434
Lợi thế thương mại	269	V.12	8.438.089.402	8.656.315.852
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		13.145.680.309.642	11.542.083.077.759



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2024	Số đầu kỳ 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.457.699.703.028	7.922.832.503.399
I. Nợ ngắn hạn	310		9.351.617.416.527	7.879.094.963.528
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	2.206.682.679.172	1.327.879.469.601
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	85.333.359.609	65.083.404.498
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	84.254.693.952	32.405.621.380
Phải trả người lao động	314		24.644.991.042	34.724.227.615
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.020.227.454	52.132.131.996
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	462.079.380.004	528.724.277.167
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	6.442.912.469.319	5.804.027.377.038
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		41.689.615.975	34.118.454.233
II. Nợ dài hạn	330		106.082.286.501	43.737.539.871
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	50.396.622.539	43.737.539.871
Trái phiếu chuyển đổi	339	V.18	55.685.663.962	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.687.980.606.614	3.619.250.574.360
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	3.687.980.606.614	3.619.250.574.360
Vốn cổ phần	411		1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		834.436.453.483	834.436.453.483
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		1.931.977.742	1.931.977.742
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.430.602.730	3.430.602.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.699.126.690.178	1.630.396.692.504
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		1.603.712.715.869	1.346.823.566.407
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421B		95.413.974.309	283.573.126.097
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.139.782.481	2.139.747.901
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		13.145.680.309.642	11.542.083.077.759

Bình Dương, Ngày 26 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG ÁĐịa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B02 – DN/HN
(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	4.102.074.332.574	3.941.970.124.297	4.102.074.332.574	3.941.970.124.297
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	2.964.334.799	2.493.190.599	2.964.334.799	2.493.190.599
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	4.099.109.997.775	3.939.476.933.698	4.099.109.997.775	3.939.476.933.698
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	3.752.433.609.571	3.645.814.295.716	3.752.433.609.571	3.645.814.295.716
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)	20		346.676.388.204	293.662.637.982	346.676.388.204	293.662.637.982
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	80.603.736.570	74.785.702.465	80.603.736.570	74.785.702.465
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	61.960.864.101	100.937.110.710	61.960.864.101	100.937.110.710
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		52.271.842.346	82.822.490.757	52.271.842.346	82.822.490.757
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	225.253.214.161	166.187.237.314	225.253.214.161	166.187.237.314
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	21.154.411.079	15.693.437.898	21.154.411.079	15.693.437.898
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		118.911.635.433	85.630.554.525	118.911.635.433	85.630.554.525
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.857.505.183	1.191.284.648	1.857.505.183	1.191.284.648
12. Chi phí khác	32	VI.6	555.766.401	172.408.721	555.766.401	172.408.721
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.301.738.782	1.018.875.927	1.301.738.782	1.018.875.927
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		120.213.374.215	86.649.430.452	120.213.374.215	86.649.430.452
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	46.569.515.187	530.017.016	46.569.515.187	530.017.016
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	(21.770.149.861)	4.497.769.302	(21.770.149.861)	4.497.769.302
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		95.414.008.889	81.621.644.134	95.414.008.889	81.621.644.134
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		95.413.974.309	81.621.644.134	95.413.974.309	81.621.644.134
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		34.580		34.580	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Bình Dương, Ngày 26 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN
(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
03 THÁNG NĂM 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	03 THÁNG NĂM 2024	03 THÁNG NĂM 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1	120.213.374.215	86.649.430.452
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2	87.127.127.941	85.223.997.026
Trích lập dự phòng	3	109.678.508.235	(36.932.040.615)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(38.310.769.048)	(41.363.070.132)
Chi phí lãi vay	6	52.271.842.346	82.822.490.757
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	330.980.083.689	176.400.807.488
Giảm (tăng) các khoản phải thu	9	318.887.872.202	(572.750.389.925)
Tăng hàng tồn kho	10	(1.737.886.083.609)	(513.257.463.100)
Tăng các khoản phải trả	11	806.729.134.041	204.150.017.508
Giảm chi phí trả trước	12	1.850.155.504	5.697.267.283
Tiền lãi vay đã trả	14	(60.029.731.931)	(94.497.263.473)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(19.474.220.973)	(199.185.375)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(21.103.443.954)	(22.599.578.818)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(380.046.235.031)	(817.055.788.412)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(3.220.861.225)	(1.574.796.074)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ")	22	348.196.230	-
Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23	(3.114.651.171.034)	(2.878.000.000.000)
Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay	24	2.460.382.257.075	2.436.000.058.794
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu lãi đầu tư trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	27	56.242.128.516	62.575.557.547
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	30	(600.899.450.438)	(380.999.179.733)



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
03 THÁNG NĂM 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	03 THÁNG NĂM 2024	03 THÁNG NĂM 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	4.619.571.817.659	4.361.536.265.062
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.918.985.702.085)	(3.639.683.705.240)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(8.042.036.663)	(3.531.649.362)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	692.544.078.911	718.320.910.460
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ	50	(288.401.606.558)	(479.734.057.685)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.193.754.292.296	829.814.067.681
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	905.352.685.738	350.080.009.996

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lê Xuân

Bình Dương, Ngày 26 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) là sản xuất sắt, thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, gang, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán sắt, thép, hàng mộc gia dụng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp; thi công hệ thống điện, nước công trình; vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 12 tháng.**4. Mô hình hoạt động:**

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 18 - 20 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và tại Tầng 2, Lô 201-203, Đường Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2024 là: 1.457 người (ngày 1 tháng 1 năm 2024: 1.458 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có năm (5) công ty con. Chi tiết như sau:

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
1. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An Địa Chỉ: Lô D9, Đường số 4, Khu Công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Long An, Việt Nam	100	100
2. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng Địa Chỉ: Lô E2, Đường số 7, KCN Hòa Khánh, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100	100
3. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bình Dương Địa Chỉ: Lô CN16 ô số 9-10, đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100	100
4. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh Địa Chỉ: Nhà RBF -Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	100	100
5. Công Ty TNHH TM Đầu Tư và Xây Dựng Tổng Hợp SBC Miền Trung Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Phường Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	95	95



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế Toán**

Kỳ kế toán của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa để bán lại - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) QUÝ I NĂM 2024

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. **Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được ghi nhận được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

6. **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****7. Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Nhóm Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

11. Các khoản đầu tư*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DNHN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau;

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024***Quý đầu tư phát triển*

Quý này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quý khen thưởng, phúc lợi

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

16. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

18. Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) QUÝ I NĂM 2024

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tại chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	19.296.946.241	388.543.840
Tiền gửi ngân hàng	886.055.739.497	1.193.365.748.456
TỔNG CỘNG	905.352.685.738	1.193.754.292.296

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	664.700.000.000	661.600.000.000
Trái phiếu	2.145.628.784.621	1.494.459.870.662
CỘNG	2.810.328.784.621	2.156.059.870.662
Dài hạn		
Trái phiếu	270.640.000.000	270.640.000.000
CỘNG	270.640.000.000	270.640.000.000
TỔNG CỘNG	3.080.968.784.621	2.426.699.870.662

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các khách hàng khác	1.365.551.232.811	1.935.362.770.403
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh VII)	8.469.182.417	-
TỔNG CỘNG	1.374.020.415.228	1.935.362.770.403
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(24.280.120.371)	(25.398.513.009)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.349.740.294.857	1.909.964.257.394

Công ty đã sử dụng một số khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
NGẮN HẠN		
Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Minh Phát	8.475.939.512	10.070.882.386
Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Quảng Cáo Á Đông	9.583.182.360	8.072.170.518
Nhà cung cấp khác	27.168.031.621	10.561.790.152
CỘNG	45.227.153.493	28.704.843.056
DÀI HẠN		
Nhà cung cấp khác	6.435.000	6.435.000
CỘNG	6.435.000	6.435.000
TỔNG CỘNG	45.233.588.493	28.711.278.056

5. PHẢI THU KHÁC

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Ký quỹ, ký cược	1.463.899.999	2.581.751.839
Phải thu chi hộ	7.059.918.402	6.731.292.198
Lãi dự thu	11.430.513.970	30.669.680.176
Khác	12.504.585.874	5.502.445.270
CỘNG	32.458.918.245	45.485.169.483
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	11.302.759.839	10.062.324.000
CỘNG	11.302.759.839	10.062.324.000
TỔNG CỘNG	43.761.678.084	55.547.493.483



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****6. HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thành phẩm	2.720.914.758.158	1.983.952.991.743
Nguyên liệu, vật liệu	1.046.813.556.830	922.148.512.429
Hàng đang đi trên đường	1.127.761.188.112	253.382.518.038
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.779.852.630	46.777.107.322
Công cụ, dụng cụ	3.082.957.015	3.044.918.525
Hàng hoá	1.188.591.908	1.602.109.916
TỔNG CỘNG	4.946.540.904.653	3.210.908.157.973
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(194.751.604.366)	(83.954.703.493)
Giá trị thuần	4.751.789.300.287	3.126.953.454.480

Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
	VND	VND
Số đầu kỳ	83.954.703.493	58.097.274.651
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	194.751.604.366	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(83.954.703.493)	(31.415.229.260)
Số cuối kỳ	194.751.604.366	26.682.045.391

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	22.153.233.987	24.858.145.106
Công cụ, dụng cụ đang dùng	15.347.158.222	16.255.283.885
Khác	6.806.075.765	8.602.861.221
Dài hạn	290.649.500.653	289.794.745.038
Tiền thuê đất trả trước (*)	198.384.515.272	199.991.469.097
Công cụ, dụng cụ đang dùng	68.842.576.547	68.156.302.565
Khác	23.422.408.834	21.646.973.376
TỔNG CỘNG	312.802.734.640	314.652.890.144

(*) Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	811.580.241.842	3.507.570.686.244	224.482.324.970	17.470.945.353	383.327.813	4.561.487.526.222
Đầu tư xây dựng cơ bản						
Mua trong kỳ	522.111.570	2.375.014.561	107.209.826	-	-	3.004.335.957
Phân loại từ tài sản cố định thuê tài chính						
Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ	-	(141.580.137)	(435.534.833)	-	-	(577.114.970)
Tại ngày 31/03/2024	812.102.353.412	3.509.804.120.668	224.153.999.963	17.470.945.353	383.327.813	4.563.914.747.209
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	23.298.626.361	338.682.541.945	18.395.867.360	13.022.985.279	-	393.400.020.945
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	249.211.309.932	2.109.071.276.922	147.015.838.899	15.699.403.245	220.278.234	2.521.218.107.232
Khấu hao trong kỳ	9.502.841.392	66.771.910.437	5.654.495.251	182.179.509	10.494.300	82.121.920.889
Phân loại từ tài sản cố định thuê tài chính						
Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ	-	(141.580.137)	(199.620.131)	-	-	(341.200.268)
Tại ngày 31/03/2024	258.714.151.324	2.175.701.607.222	152.470.714.019	15.881.582.754	230.772.534	2.602.998.827.853
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	562.368.931.910	1.398.499.409.322	77.466.486.071	1.771.542.108	163.049.579	2.040.269.418.990
Tại ngày 31/03/2024	553.388.202.088	1.334.102.513.446	71.683.285.944	1.589.362.599	152.555.279	1.960.915.919.356



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	26.241.620.302	77.616.182.064	103.857.802.366
Thuê trong kỳ	-	7.970.750.909	7.970.750.909
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Tại ngày 31/03/2024	26.241.620.302	85.586.932.973	111.828.553.275
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	1.148.026.725	17.785.763.967	18.933.790.692
Khấu hao trong kỳ	656.040.510	3.624.209.634	4.280.250.144
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Tại ngày 31/03/2024	1.804.067.235	21.409.973.601	23.214.040.836
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	25.093.593.577	59.830.418.097	84.924.011.674
Tại ngày 31/03/2024	24.437.553.067	64.176.959.372	88.614.512.439

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	117.526.300.000	20.749.424.227	138.275.724.227
Mua mới	-	2.813.950.000	2.813.950.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-
Tại ngày 31/03/2024	117.526.300.000	23.563.374.227	141.089.674.227
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	12.058.711.727	12.058.711.727
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	-	16.666.849.461	16.666.849.461
Hao mòn trong kỳ	-	378.769.410	378.769.410
Tại ngày 31/03/2024	-	17.045.618.871	17.045.618.871
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	117.526.300.000	4.082.574.766	121.608.874.766
Tại ngày 31/03/2024	117.526.300.000	6.517.755.356	124.044.055.356



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	22.239.233.997	19.985.897.068
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.289.893.500	4.024.989.906
TỔNG CỘNG	25.529.127.497	24.010.886.974

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xây dựng Tổng hợp SBC Miền Trung	8.438.089.402	8.656.315.852
TỔNG CỘNG	8.438.089.402	8.656.315.852

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Công Ty Cổ Phần Thép Hòa Phát Dung Quất	-	153.041.178.642
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh VII)	1.269.705.265.058	674.882.836.778
Phải trả cho người bán khác	936.977.414.114	499.955.454.181
TỔNG CỘNG	2.206.682.679.172	1.327.879.469.601

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
Gramperfil S.A	27.258.367.740	23.778.855.650
Mareso Pte Ltd	11.061.380.372	6.971.615.930
Người mua trả tiền trước khác	47.013.611.497	34.332.932.918
TỔNG CỘNG	85.333.359.609	65.083.404.498



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số dư tại ngày 01/01/2024	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số dư tại ngày 31/103/2024
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	333.986.699	-	313.999.859	19.986.840
Thuế giá trị gia tăng	184.159.677.855	541.573.183.494	320.927.438.502	404.805.422.847
Thuế Thu nhập cá nhân	-	57.610.890	-	57.610.890
Khác	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	184.493.664.554	541.630.794.384	321.241.438.361	404.883.020.577
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.474.220.971	46.569.515.187	19.788.220.802	46.255.515.356
Thuế giá trị gia tăng	7.508.163.929	303.309.619.540	273.234.326.262	37.583.457.207
Thuế thu nhập cá nhân	5.366.433.166	4.250.856.465	9.378.417.291	238.872.340
Thuế bảo vệ môi trường	32.400.000	97.200.000	64.800.000	64.800.000
Thuế nhập khẩu	24.403.314	229.457.500	141.811.765	112.049.049
Khác	-	118.715.547	118.715.547	-
TỔNG CỘNG	32.405.621.380	354.575.364.239	302.726.291.667	84.254.693.952

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
UPAS L/C (*)	436.946.857.512	524.591.263.848
Khác	25.132.522.492	4.133.013.319
CỘNG	462.079.380.004	528.724.277.167

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi các ngân hàng thương mại cổ phần.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	6.425.803.354.859	5.725.217.239.285
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	17.109.114.460	23.124.473.791
Trái phiếu chuyển đổi (<i>Thuyết minh số 18</i>)	-	55.685.663.962
CỘNG	6.442.912.469.319	5.804.027.377.038
Vay dài hạn		
Nợ thuê tài chính	50.396.622.539	43.737.539.871
CỘNG	50.396.622.539	43.737.539.871
TỔNG CỘNG	6.493.309.091.858	5.847.764.916.909

	31/03/2024		01/01/2024	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.442.912.469.319	123.776.601	5.804.027.377.038	81.810.692
Vay ngắn hạn ngân hàng - VND	3.381.980.910.582		3.735.879.352.837	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP, HCM	2.037.147.535.054		1.944.663.968.127	
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	393.768.102.711		814.370.985.444	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	359.718.512.856		179.258.584.218	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	271.418.967.633		441.231.943.214	
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn	174.091.766.011		253.760.555.103	
Ngân Hàng United Overseas – CN HCM	145.836.026.317		102.593.316.731	
Vay ngắn hạn ngân hàng - USD	3.043.822.444.277	123.776.601	1.989.337.886.448	81.810.692
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP, HCM	200.480.578.544	8.078.465	103.310.714.136	4.229.712
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	1.982.524.907.338	80.750.471	1.331.684.711.515	54.880.633
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	600.705.020.980	24.406.854	554.342.460.797	22.700.346
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi Nhánh Sài Gòn	260.111.937.415	10.540.811	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	-		55.685.663.962	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	17.109.114.460		23.124.473.791	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	10.237.056.410		13.934.007.491	
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	5.668.187.238		7.557.582.984	
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	912.787.506		1.217.050.008	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	291.083.306		415.833.308	
Nợ thuê tài chính dài hạn	50.396.622.539		43.737.539.871	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	26.962.040.517		26.962.040.517	
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	10.208.811.826		3.549.729.158	
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	13.225.770.196		13.225.770.196	
TỔNG	6.493.309.091.858	123.776.601	5.847.764.916.909	81.810.692

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng và công ty thuê tài chính bằng VND là từ 3,4%/năm đến 8%/năm và bằng USD là từ 3,6%/năm đến 5%/năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trái phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****18. TRÁI PHIẾU CHUYÊN ĐỔI**

	Thời điểm phát hành (năm)	Kỳ hạn	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá (VND)	Lãi suất danh nghĩa (%/năm)	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Cấu phần vốn (VND)	Cấu phần nợ (VND)
Ngày 1 tháng 1 năm 2024 và								
Ngày 31 tháng 03 năm 2024	2014	3 năm	559.067	100.000	5	6,3	1.931.977.742	55.685.663.962

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu (“HĐĐMTP”) với Công ty TNHH Posco Việt Nam (“Posco”). Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất – Phụ lục số 9 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2026.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU.**19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quý đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm 2023							
Tại ngày 01/01/2023	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.461.827.518.400	-	3.448.541.652.355
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	81.621.644.134	-	81.621.644.134
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(312.442.003)	-	(312.442.003)
Khác	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2023	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.543.136.720.531	-	3.529.850.854.486
Năm 2024							
Tại ngày 01/01/2024	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.630.396.692.504	2.139.747.901	3.619.250.574.360
Lợi nhuận thuần trong kỳ					95.413.974.309	34.580	95.414.008.889
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(28.674.266.009)		(28.674.266.009)
Khác					1.990.289.374		1.990.289.374
Tại ngày 31/03/2024	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.699.126.690.178	2.139.782.481	3.687.980.606.614

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****19.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức cho cổ đông của công ty**

	Quý I năm 2024 VND	Quý I năm 2023 VND
Vốn cổ phần		
Số đầu kỳ	1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.146.915.100.000	1.146.915.100.000

19.3 Cổ phiếu

	31/03/2024 VND Số cổ phiếu	01/01/2024 VND Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	114.691.510	114.691.510
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	114.691.510	114.691.510
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	114.691.510	114.691.510

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. DOANH THU****1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Quý I năm 2024</i> VND	<i>Quý I năm 2023</i> VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>4.102.074.332.574</u>	<u>3.941.970.124.297</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	4.074.615.080.770	3.918.221.346.200
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	<u>27.459.251.804</u>	<u>23.748.778.097</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>2.964.334.799</u>	<u>2.493.190.599</u>
Doanh thu thuần	<u>4.099.109.997.775</u>	<u>3.939.476.933.698</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	4.071.650.745.971	3.915.728.155.601
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	27.459.251.804	23.748.778.097

1.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Quý I năm 2024</i> VND	<i>Quý I năm 2023</i> VND
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	38.062.610.289	41.363.070.132
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	<u>42.541.126.281</u>	<u>33.422.632.333</u>
TỔNG CỘNG	<u><u>80.603.736.570</u></u>	<u><u>74.785.702.465</u></u>

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Quý I năm 2024</i> VND	<i>Quý I năm 2023</i> VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	3.641.636.708.698	3.677.229.524.976
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) hàng tồn kho	<u>110.796.900.873</u>	<u>(31.415.229.260)</u>
TỔNG CỘNG	<u><u>3.752.433.609.571</u></u>	<u><u>3.645.814.295.716</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Quý I năm 2024</i>	<i>Quý I năm 2023</i>
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	52.271.842.346	82.822.490.757
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	9.689.021.755	18.114.619.953
TỔNG CỘNG	61.960.864.101	100.937.110.710

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Quý I năm 2024</i>	<i>Quý I năm 2023</i>
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và giao hàng	170.735.274.883	114.975.206.953
Chi phí lương nhân viên	13.421.010.696	12.966.736.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.086.381.703	36.206.014.073
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.010.546.879	2.039.279.604
TỔNG CỘNG	225.253.214.161	166.187.237.314

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Quý I năm 2024</i>	<i>Quý I năm 2023</i>
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.157.422.220	6.734.272.735
Chi phí nhân viên	11.706.941.067	12.328.031.202
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.408.440.430	2.147.945.316
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.118.392.638)	(5.516.811.355)
TỔNG CỘNG	21.154.411.079	15.693.437.898

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****6. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
	VND	VND
Thu nhập khác	1.857.505.183	1.191.284.648
Thu nhập từ bán phế liệu	1.356.563.787	1.099.629.090
Thanh lý tài sản cố định	112.281.528	-
Khác	388.659.868	91.655.558
Chi phí khác	555.766.401	172.408.721
Chi phí KHTS cố định không sử dụng	505.988.708	-
Chi phí từ thanh lý phế liệu	-	74.517.245
Tiền phạt thuế	347.204	48.468
Khác	49.430.489	97.843.008
Lợi nhuận khác	1.301.738.782	1.018.875.927

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	46.569.515.187	530.017.016
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(21.770.149.861)	4.497.769.302
Chi phí thuế TNDN	24.799.365.326	5.027.786.318

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 5% vốn cổ phần	Bán hàng	27.459.251.804	23.748.778.097
		Mua hàng	1.199.333.471.308	506.961.826.954
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Chi trả nợ gốc vay	-	4.500.000.000
		Lãi vay	-	247.186.301

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán quý. Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/01/2024
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 5% vốn cổ phần	Bán hàng	8.469.182.417	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 5% vốn cổ phần	Mua hàng	1.269.705.265.058	674.882.836.778



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ I NĂM 2024****VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	1.265.400.000	1.053.949.366
Ông Hồ Song Ngọc	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	831.917.669	724.547.646
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	662.207.557	569.031.801
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	659.944.138	572.250.063
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc	638.999.170	571.870.858
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	5.700.000	5.700.000
Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	-
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	3.000.000	3.000.000
TỔNG CỘNG		4.067.168.534	3.500.349.734

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

Bình Dương, ngày 26 tháng 04 năm 2024

Người lập
(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc